

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-PT
Ngày: 30-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo **Võ Thành T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HSST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Võ Thành T** (**T1**, **Thảo E**), sinh năm 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số B ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Võ Văn H** và bà **Tạ Thị B**; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt hành chính số: 17/QĐ-XPHC ngày 20/5/2022 của Trưởng **Công an xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre** đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, nộp phạt ngày 24/11/2022; nhân thân: tại Bản án số 09/2010/HSST ngày 18/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội đánh bạc”, đã chấp hành xong; tại Quyết định số 125/QĐ-XPHC ngày 25/12/2020 của Trưởng **Công an xã V, huyện C** xử phạt **T** số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã chấp hành xong; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Nguyễn Thị H1** nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của người dân về việc có tụ tập đông người đánh bạc, lúc 13 giờ 30 phút ngày 22/11/2022, **Công an xã L**, **huyện C** đến kiểm tra phát hiện tại nhà ông **Phạm Trọng Y** có đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền, tại hiện trường có 11 đối tượng gồm **Võ Thành T**, **Nguyễn Thị H1**, **Bành Quốc V**, **Phạm Trọng Y**, **Nguyễn Văn Đ**, **Nguyễn Thị Bé T2**, **Nguyễn Văn M**, **Mai Văn X**, **Phạm Duy K**, **Nguyễn Văn Bé T3** và **Nguyễn Văn S**.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Khoảng 13 giờ ngày 22/11/2022, ông **Bành Quốc V** đi tìm mua cây kiềng, khi đến nhà ông **Phạm Trọng Y** thấy có nhiều người nhưng không nhớ rõ là ai rủ nhau chơi tài xỉu nên ông **V** ra xe lấy dụng cụ lắc tài xỉu gồm 03 hột xí ngầu, 01 đĩa bằng sành, 01 nắp đáy bằng nhựa vào chơi, ông **V** làm cái lắc cho các tụ chơi đặt tiền cược, mỗi lần lắc cộng điểm của ba mặt hột xí ngầu để xác định "**T**" hoặc "Xiu" và thắng thua, ông **V** quy định bên tay phải theo hướng ngồi của ông là "Tài", bên tay trái là "Xiu", người chơi đặt tiền cược vào cửa "Tài" hoặc "Xiu", ông **V** thắng thua với những người chơi, những người chơi không thắng thua với nhau, mỗi ván đặt từ 20.000 đồng đến 150.000 đồng. Sau đó có nhiều người đến nên cùng tham gia, chơi nhiều ván được khoảng 30 phút thì ông **Y** nhìn thấy **Công an xã L** đến nên thông báo cho các đối tượng biết, liền sau đó tất cả nghỉ chơi, cất tiền vào túi, ông **V** lấy bộ dụng cụ lắc tài xỉu cất lên kệ giày dép gần đó. **Công an xã L** vào kiểm tra khu vực hành lang nhà phát hiện bộ dụng cụ chơi tài xỉu và qua làm việc nhanh các đối tượng thừa nhận trước đó có chơi đánh bạc nên **công an xã L** tiến hành lập biên bản sự việc; trong lúc đang lập biên bản thì **K** hỏi mượn tiền của **T**, **T** lấy 300.000 đồng trong túi ra đưa cho **K** làm rớt xuống nền gạch nhưng không ai nhận là tiền gì nên Công an xã thu giữ ghi là tiền tang trên chiếu bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 2.170.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng). Cụ thể như sau:

1. **Võ Thành T**: Mang theo số tiền 5.799.000 đồng, cho **Nguyễn Thị Bé T2** 50.000 đồng để tiêu xài cá nhân, đến nhà **Y** thấy có đánh bạc nên tham gia, bị cáo lấy ra 200.000 đồng sử dụng đánh bạc; đã đặt 04 ván, mỗi ván 50.000 đồng, thắng 02 ván, thua 02 ván, kết quả không thắng không thua; **T** lấy tiền trong túi ra đưa

cho **K** mượn làm rút 300.000 đồng bị Công an xã thu giữ, bị cáo giao nộp 5.449.000 đồng.

2. **Nguyễn Thị H1**: Điện thoại cho ông **Mai Văn X** để trả tiền thì được ông **X** chỉ đường cho xe ôm chở đến nhà ông **Y**, lúc đi **H1** mang theo 720.000 đồng, khi đến nơi trả cho ông **X** 500.000 đồng, còn lại 220.000 đồng, thấy có đánh bạc nên tham gia chơi, **H1** lấy cát riêng vào túi 20.000 đồng để đi xe ôm về, còn 200.000 đồng cầm trên tay dùng đánh bạc, **H1** đặt 02 ván, ván đầu 80.000 đồng bị thua, nghỉ vài ván thì đặt tiếp ván 20.000 đồng và thua, kết quả **H1** thua 100.000 đồng. **H1** giao nộp cho Công an xã 120.000 đồng (gồm 20.000 đồng để đi xe ôm), 01 điện thoại di động.

3. **Bành Quốc V**: Làm cái lắc tài xỉu cho các tụ chơi đặt tiền, ông **V** mang theo số tiền 10.044.000 đồng, lấy ra 1.000.000 đồng cầm trên tay đánh bạc, đánh bạc thắng 440.000 đồng, ông **V** giao nộp cho Công an xã 10.484.000 đồng.

4. **Phạm Trọng Y** mang theo số tiền 1.623.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, đặt 02 ván không liên tục, mỗi ván 50.000 đồng, thua cả hai ván, giao nộp Công an xã số tiền 1.523.000 đồng.

5. **Nguyễn Thị Bé T2** đến nhà **Y** tìm **Võ Thành T** thì được bị cáo **T** cho 50.000 đồng để tiêu xài, thấy có đánh bạc Bé **T2** sử dụng 40.000 đồng chơi, đặt 02 ván mỗi ván 20.000 đồng, kết quả thua, giao nộp Công an xã 10.000 đồng.

6. **Nguyễn Văn M** mang theo 6.810.000 đồng, dùng 200.000 đồng đánh bạc, đặt 01 ván 50.000 đồng thua và nghỉ; giao nộp Công an xã 6.760.000 đồng (trong đó có 150.000 đồng tiền đánh bạc).

7. **Mai Văn X** mang theo 5.615.000 đồng, sử dụng 20.000 đồng đánh bạc, đặt một ván 20.000 đồng thua và nghỉ; giao nộp cho Công an xã 5.595.000 đồng.

8. **Phạm Duy K** mang theo 82.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng đặt 01 ván, thua và nghỉ, giao nộp cho Công an xã 32.000 đồng.

9. **Nguyễn Văn Đ** mang theo 3.386.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng đánh bạc, đặt một ván 50.000 đồng thua và nghỉ, giao nộp cho Công an xã 3.336.000 đồng.

10. **Nguyễn Văn Bé T3** không nhớ rõ số tiền mang theo, sử dụng 310.000 đồng đánh bạc, chơi khoảng 7-8 ván, đặt mỗi ván từ 20.000 đồng đến 80.000 đồng, đã thua 310.000 đồng, giao nộp Công an xã 1.178.000 đồng.

11. **Nguyễn Văn S** không tham gia đánh bạc, nằm võng gần nơi đánh bạc, giao nộp Công an xã 01 điện thoại di động.

Việc thu giữ vật chứng, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

+ Tiền thu tại hiện trường 300.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

+ 01 đĩa băng sành, màu trắng, dưới đĩa có ghi chữ "MINH LONG 1", đường kính miệng đĩa 09cm.

+ 01 nắp đậy bằng nhựa màu xanh, có dán keo màu đen bên ngoài, đường kính 07cm, cao 4,46cm.

+ 03 hột xí ngầu bằng nhựa, có 06 mặt; 04 mặt có các dấu chấm đen, số chấm đen trên mỗi mặt lần lượt là 2, 3, 4, 5, 6; hai mặt có các dấu chấm đỏ, số chấm đỏ trên mỗi mặt lần lượt là 1, 4.

+ **Võ Thành T** giao nộp số tiền 5.449.000 đồng.

+ **Nguyễn Thị H1** giao nộp 120.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ điện thoại màu hồng, loại phím bấm, không có thẻ sim, số IMEI 1: 352415901371470, số IMEI 2: 352415903371478, đã qua sử dụng.

+ **Bành Quốc V** giao nộp 10.484.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính số tiền 9.044.000 đồng, chuyển theo vụ án số tiền 1.440.000 đồng.

+ **Phạm Trọng Y** giao nộp 1.523.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Nguyễn Thị Bé T2** giao nộp 10.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Nguyễn Văn M** giao nộp 6.760.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính 6.610.000 đồng, chuyển theo vụ án 150.000 đồng.

+ **Mai Văn X** giao nộp 5.595.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Phạm Duy K** giao nộp: 32.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Nguyễn Văn Đ** giao nộp 3.336.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Nguyễn Văn Bé T3** giao nộp: 1.178.000 đồng, đã chuyển xử lý hành chính.

+ **Nguyễn Văn S** giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ điện thoại màu trắng bạc, không có thẻ sim, điện thoại đã khóa màn hình bằng mật khẩu, không kiểm tra bên trong điện thoại, đã qua sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** đã trả lại cho ông **S**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2023/HS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo **Võ Thành T** phạm “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Thành T** 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **H1**, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/7/2023, bị cáo **Võ Thành T** kháng cáo yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm

cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Thành T** 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để ở nhà điều trị bệnh và chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ cũng đang bị bệnh tại biến, đi lại khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Với động cơ, mục đích thu lợi bất chính nên vào khoảng từ 13 giờ đến 13 giờ 30 phút ngày 22/11/2022 tại nhà ông **Phạm Trọng Y** thuộc **ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre**, các bị cáo **Võ Thành T, Nguyễn Thị H1** cùng với ông **Bành Quốc V, Phạm Trọng Y, Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Văn M, Mai Văn X, Phạm Duy K, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Bé T3** đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền do ông **V** làm cái lắc cho các tụ chơi đặt tiền cược. **T** sử dụng 200.000 đồng, **H1** sử dụng 200.000 đồng, **V** sử dụng 1.000.000 đồng, **Y** sử dụng 100.000 đồng, **T2** sử dụng 40.000 đồng, **M** sử dụng 200.000 đồng, **X** sử dụng 20.000 đồng, **K** sử dụng 50.000 đồng, **Đ** sử dụng 50.000 đồng, **T3** sử dụng 310.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 2.170.000 đồng (hai triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng). Bị cáo **T** có 01 tiền sự về hành vi “đánh bạc trái phép”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình

sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi “đánh bạc trái phép” và đã từng bị kết án về “Tội đánh bạc”, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “đánh bạc trái phép”, nhưng không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm “Tội đánh bạc”. Điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục nên việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm trật tự công cộng đang có chiều hướng gia tăng. Bị cáo vì động cơ tư lợi, mục đích thu lợi bất chính mà đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lặc tài xiu được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội mà còn gây khó khăn về kinh tế cho chính bản thân và gia đình người đánh bạc, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt tù theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị xử phạt bị cáo **Võ Thành T** 06 tháng tù về “Tội đánh bạc” là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thành T 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Võ Thành T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (3b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã T, h. Chợ Lách (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn